

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI VỀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ SINH SẢN CỦA SINH VIÊN NỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT

Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Thượng Ngọc Thu Hiền, Phạm Thị Hoàng Yến

Trường đại học Yersin Đà Lạt

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thái độ và hành vi về chăm sóc sức khỏe sinh sản của sinh viên nữ tại trường Đại học Yersin Đà Lạt, năm 2023.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện trên 320 sinh viên nữ Trường đại học Yersin Đà Lạt từ tháng 09/2023 đến tháng 04/2024.

Kết quả: Về kiến thức sức khỏe sinh sản có 64,6% sinh viên nữ Đạt, vẫn còn một số ít sinh viên nữ chưa có kiến thức Đạt chiếm 35,4%. Tỷ lệ sinh viên nữ có thái độ và hành vi chăm sóc sức khỏe sinh sản Đạt chỉ 48,4% và còn 51,6% sinh viên nữ chưa có thái độ hành vi Đạt.

Kết luận: Kiến thức, thái độ và hành vi của sinh viên nữ về sức khỏe sinh sản vẫn còn hạn chế. Vì vậy chúng ta cần quan tâm hơn đến vấn đề truyền thông về sức khỏe sinh sản tới sinh viên trong đào tạo trường học.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, hành vi, sức khỏe sinh sản

ABSTRACT

Objectives: Describe knowledge, attitudes and behaviors on reproductive health care of female students at Yersin University Dalat, 2023.

Research method: Cross-sectional description conducted on 320 female students at Yersin University of Dalat from September 2023 to April 2024.

Results: In terms of reproductive health knowledge, 64.6% of female students pass, there are still a few female students who do not have pass knowledge, accounting for 35.4%. The proportion of female students with good reproductive health care attitudes and behaviors is only 48.4%, while 51.6% of female students have poor reproductive health care attitudes and behaviors.

Conclusion: Female students' knowledge, attitudes and behaviors about reproductive health are still limited. Therefore, we need to pay attention to the issue of communication about reproductive health to students in school training.

Keywords: Knowledge, attitude, behavior, reproductive health

¹Chịu trách nhiệm: Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Trường đại học Yersin Đà Lạt

Email: honghanhnd2014@gmail.com

Ngày nhận bài: 04/6/2024; Ngày nhận xét: 21/6/2024; Ngày duyệt bài: 26/6/2024

<https://doi.org/10.54804/yhthvb.3.2024.319>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sức khỏe sinh sản (SKSS) là sự thể hiện các trạng thái về thể chất, tinh thần, xã hội liên quan đến hoạt động và chức năng sinh sản của mỗi người. Sức khỏe sinh sản là một trong những vấn đề quan trọng luôn được xã hội quan tâm và chú trọng, vấn đề này cũng gắn liền với sự phát triển của một quốc gia, một dân tộc.

Theo Tổng cục thống kê năm 2021, hiện nay mang thai ngoài ý muốn chiếm tỷ lệ hơn một nửa số ca nạo phá thai gần đây nhất (53,6%) [5]. Vụ Sức khỏe bà mẹ trẻ em (Bộ Y tế) cho biết trung bình mỗi năm cả nước có khoảng 300 đến 400 ngàn ca phá thai ở độ tuổi 15 - 19, trong đó 60 - 70% là học sinh, sinh viên.

Còn theo Tổng cục Dân số, mặc dù tỷ lệ phá thai ở Việt Nam trong 10 năm trở lại đây giảm, nhưng tỷ lệ nạo phá thai ở trẻ vị thành niên, thanh niên lại có dấu hiệu gia tăng - chiếm hơn 20% các trường hợp phá thai. Tuy nhiên vấn đề chăm sóc SKSS tại các trường dạy nghề, cao đẳng và đại học chưa được quan tâm. Trong khi đó, giới trẻ hiện nay đang có suy nghĩ và quan niệm theo xu hướng cởi mở hơn trong tình yêu và tình dục, độ tuổi quan hệ tình dục lần đầu ở vị thành niên Việt Nam ngày càng sớm. Tuy nhiên, kiến thức của các đối tượng này về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục vẫn còn rất hạn chế [1].

Vì vậy đối tượng sinh viên cần phải được tiếp cận với công nghệ thông tin để truy cập những thông tin hữu ích và chính thống, cũng như hỗ trợ từ phía nhà trường, đơn vị tin cậy để các bạn sinh viên hiểu biết thêm về việc chăm sóc sức khỏe của mình. Từ đó, sinh viên có thể tránh những vấn đề liên quan đến sức khỏe sinh sản

như mang thai sớm, mang thai ngoài ý muốn, nạo phá thai không an toàn và mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục [6]. Hiểu được vai trò và ý nghĩa quan trọng của việc cung cấp thông tin sức khỏe sinh sản tới những sinh viên nữ của Trường, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu mô tả kiến thức, thái độ, hành vi về chăm sóc sức khỏe sinh sản của nữ sinh viên tại trường Đại học Yersin Đà Lạt năm 2023 từ đó đưa ra những hình thức tuyên truyền và giảng dạy về sức khỏe sinh sản cho sinh viên được phù hợp.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

320 sinh viên nữ các lớp đại học hệ chính quy tại Trường đại học Yersin Đà Lạt.

2.2. Tiêu chuẩn lựa chọn:

- Sinh viên nữ đại học hệ chính quy.
- Sinh viên đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

2.3. Tiêu chuẩn loại trừ:

- Sinh viên vắng mặt trong thời gian nghiên cứu.
- Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.4. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 09/2023 đến tháng 04/2024

- Địa điểm: Nghiên cứu được thực hiện tại Trường đại học Yersin Đà Lạt.

(Số 27 Tôn Thất Tùng - phường 8 - thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng)

2.5. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang

2.6. Mẫu và phương pháp chọn mẫu

Tổng số lượng sinh viên nữ học đại học chính quy tại Trường đại học Yersin Đà Lạt năm 2023 là 1543 sinh viên. Phương pháp tính mẫu được tính theo công thức sau:

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2}$$

Trong đó:

n: Kích thước mẫu cần xác định

N: Quy mô tổng thể

e: Sai số cho phép là $\pm 0,05$

Thay số vào công thức trên chúng tôi tính được $n = 318$.

Sau đó, tiến hành lấy danh sách sinh viên tại Phòng công tác Sinh viên và tiến hành mã hoá sinh viên theo số thứ tự rồi cho vào phần mềm bốc số ngẫu nhiên để xác định sinh viên sẽ tham gia vào nghiên cứu. Số lượng mẫu thực tế đối tượng tham gia nghiên cứu là 320 sinh viên nữ.

2.7. Phương pháp thu thập thông tin

- Bộ câu hỏi được thiết kế dựa vào các tài liệu về SKSS, kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc SKSS, sức khoẻ tinh dục cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2020 - 2025 [1] (bộ câu hỏi xem phụ lục cuối bài báo).

- Những đối tượng đồng ý tham gia nghiên cứu lựa chọn mẫu phù hợp sẽ

được gửi bộ câu hỏi nghiên cứu online và trực tiếp làm bài khảo sát trực tuyến.

- Sau khi thu thập được toàn bộ thông tin, nghiên cứu viên sẽ tiến hành thống kê qua online.

- Các số liệu được trình bày dưới dạng số lượng và tỷ lệ phần trăm (%).

2.8. Phương pháp phân tích số liệu:

- Dữ liệu được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 25.0.

- Điểm đánh giá kiến thức, thái độ và hành vi với:

Tổng điểm Kiến thức là 38 điểm. (Tổng điểm ≥ 28 điểm là Kiến thức Đạt, Tổng điểm < 28 điểm là Kiến thức chưa Đạt).

Tổng điểm Thái độ và Hành vi là 9 điểm. (Tổng điểm ≥ 6 điểm là Thái độ và Hành vi Đạt, Tổng điểm < 6 điểm là Thái độ và Hành vi chưa Đạt).

2.9. Đạo đức trong nghiên cứu

Đề tài đã được Hội đồng khoa học Trường đại học Yersin Đà Lạt thông qua trước khi thực hiện. Tất cả thông tin đối tượng đã khảo sát được bảo mật hoàn toàn.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Qua nghiên cứu trên 320 sinh viên nữ các lớp đại học hệ chính quy tại Trường đại học Yersin Đà Lạt, chúng tôi phân tích được một số kết quả như sau:

Bảng 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 320)

Thông tin		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi	18 - 20 tuổi	256	80,0
	21 - 24 tuổi	64	20,0
Dân tộc	Kinh	272	85,0
	Dân tộc khác	48	15,0
Cấp học	Năm thứ nhất	142	44,4
	Năm thứ hai	98	30,6
	Năm thứ ba	80	25,0
Nơi ở hiện tại	Tại gia đình	55	17,2
	Ở trọ	171	53,4

Nhận xét: 100% nữ sinh viên tham gia nghiên cứu có độ tuổi trên 18. Đa số đối tượng là dân tộc Kinh chiếm 85,0%. Có đến 44,4% nữ sinh viên tham gia nghiên cứu là sinh viên năm nhất và 30,6% đối tượng là sinh viên năm 2 còn lại là sinh viên năm 3 chiếm 25,0%. Phần lớn sinh viên nữ ở trọ chiếm 53,4%.

Bảng 3.2. Kiến thức về phòng tránh thai và nạo phá thai (n = 320)

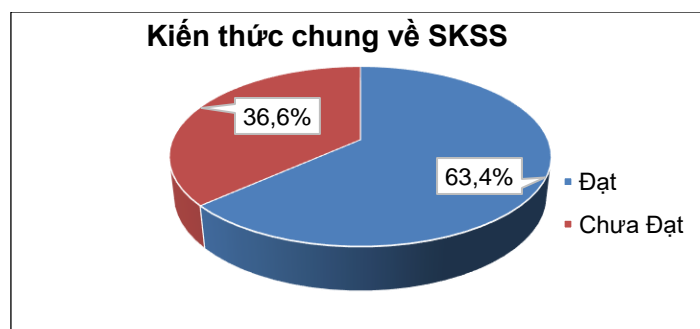
STT	Nội dung		Kết quả (n = 320)	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Thời điểm dễ có thai	Đúng	41	12,8
		Sai	264	82,5
		Không biết	15	4,7
2	Dấu hiệu có thai	>=3 dấu hiệu	280	87,5
		<3 dấu hiệu	40	12,5
		Không biết	0	0
3	Biện pháp phòng tránh thai	>= 4 biện pháp	259	80,9
		<4 biện pháp	60	18,8
		Không biết	1	0,3
4	Hậu quả của nạo phá thai	>= 4 hậu quả	274	85,6
		<4 hậu quả	41	12,8
		Không biết	5	1,6
5	Cơ sở nạo phá thai an toàn	Cơ sở y tế nhà nước	284	88,8
		Không biết	24	7,5

Nhận xét: Có 12,8% sinh viên trả lời đúng về thời điểm dễ có thai. Đa số sinh viên biết được hầu hết các dấu hiệu có thai (≥ 3 dấu hiệu) chiếm 87,5%. Có 88,8% sinh viên có kiến thức đúng về cơ sở nạo phá thai an toàn là ở cơ sở y tế nhà nước.

Bảng 3.3. Kiến thức chung của sinh viên về các bệnh lây truyền qua đường tình dục và biểu hiện của bệnh

STT	Nội dung		Kết quả (n = 320)	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Biết các bệnh lây truyền qua đường tình dục	>=4 bệnh	265	82,8
		< 4 bệnh	48	15
		Không biết	7	2,2
2	Biết biểu hiện mắc của các bệnh lây truyền qua đường tình dục	>= 2 biểu hiện mắc	285	89,1
		< 2 biểu hiện mắc	14	4,4
		Không biết	21	6,6

Nhận xét: Đa số các sinh viên nữ không biết. Có 89,1% sinh viên biết từ 2 (82,8%) đều biết được ≥ 4 bệnh lây qua biểu hiện mắc bệnh trở lên, và có 6,6% đường tình dục, chỉ có 2,2% sinh viên sinh viên không biết biểu hiện mắc bệnh.



Biểu đồ 3.1. Kiến thức chung về sức khỏe sinh sản (n = 320)

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên có kiến thức sinh viên có kiến thức về chăm sóc sức Đạt chiếm 63,4%, vẫn còn số lượng lớn khỏe sinh sản chưa Đạt chiếm 36,6%.

Bảng 3.4. Thái độ của sinh viên khi nói chuyện/hỏi người thân bạn bè về lĩnh vực Sức khỏe sinh sản - Tình dục

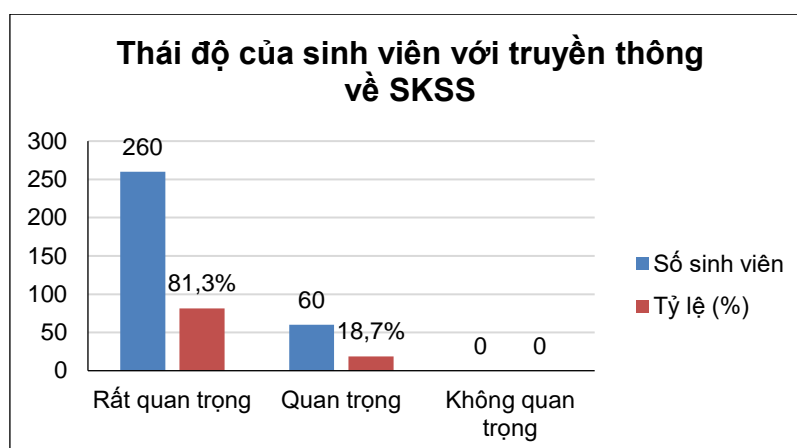
STT	Nội dung	Kết quả (n = 320)	
		Số sinh viên (SV)	Tỷ lệ (%)
1	Không ngại gì	171	53,4
2	Ngại	133	41,6
3	Rất ngại	16	5

Nhận xét: Đa số các sinh viên nữ Sức khỏe sinh sản - Tình dục, có 41,6% (53,4%) không thấy ngại gì khi nói sinh viên cảm thấy ngại và chỉ có 5,0% chuyện/hỏi người thân bạn bè về lĩnh vực sinh viên thấy rất ngại.

Bảng 3.5. Tỷ lệ sinh viên đã đi khám SKSS trong những năm qua

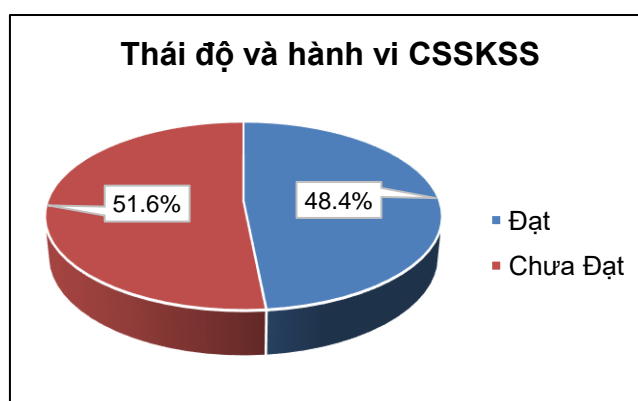
STT	Nội dung	Kết quả (n = 320)	
		Số SV	Tỷ lệ (%)
1	Chưa đi khám	237	74,1
2	Có đi khám	83	25,9

Nhận xét: Trong 320 đối tượng tham đã đi khám SKSS, còn lại là chưa đi khám gia nghiên cứu thì chỉ có 25,94 % sinh viên bao giờ.



Biểu đồ 3.2. Thái độ của sinh viên với truyền thông về sức khỏe sinh sản trường học (n = 320)

Nhận xét: Đa số sinh viên cảm thấy quan trọng chiếm 81,3%, không có sinh viên nào cảm thấy không quan trọng.



Biểu đồ 3.3. Thái độ và hành vi của sinh viên nữ về chăm sóc sức khỏe sinh sản (n = 320)

Nhận xét: Kết quả số lượng các bạn sinh viên nữ có thái độ và hành vi chưa Đạt về vấn đề chăm sóc sức khỏe sinh sản chiếm tỷ lệ lớn (51,6%), có 48,4% sinh viên có thái độ và hành vi Đạt.

4. BÀN LUẬN

Kết quả chúng tôi nghiên cứu trên 320 sinh viên nữ trường Đại học Yersin Đà Lạt, 100% sinh viên nữ có độ tuổi trên 18, tỷ lệ ở trọ khá cao chiếm 53,4%. Đối với độ tuổi này các bạn sinh viên nữ đã phát triển đầy

đủ về mặt thể chất, phần lớn các bạn sẽ tự đưa ra những quyết định của bản thân liên quan đến vấn đề SKSS, chính vì vậy sinh viên nữ rất cần được cung cấp các thông tin và định hướng đúng đắn về SKSS để tránh những vấn đề liên quan đến sức khỏe cá nhân.

Bảng 3.2 cho thấy, có 12,8% sinh viên trả lời đúng về thời điểm để có thai nhất trong chu kỳ kinh nguyệt. Tỷ lệ này có thấp hơn so với nghiên cứu của Mai Thuý Mai có 48% sinh viên có kiến thức đúng

về thời điểm nào thì sẽ có thai [2], có thể do đối tượng nghiên cứu của tác giả đều thuộc khối ngành sức khoẻ nên sinh viên có sự nghiên cứu kỹ càng hơn về thông tin này.

Trong nghiên cứu của chúng tôi đa số sinh viên biết được hầu hết từ 3 dấu hiệu có thai trở lên chiếm 87,5% và có 88,8% sinh viên có kiến thức đúng về cơ sở nạo phá thai an toàn. Với kết quả trên cho thấy hầu hết các bạn sinh viên nữ cũng đã ý thức tự tìm hiểu những thông tin liên quan đến SKSS để nhận biết rõ ràng tình trạng sức khoẻ của bản thân.

Về kiến thức các bệnh lây truyền qua đường tình dục đa số các sinh viên nữ (82,81%) đều biết được từ 4 bệnh lây qua đường tình dục trở lên, có 89,1% sinh viên biết từ 2 biểu hiện mắc bệnh trở lên, chỉ có 6,6% sinh viên không biết biểu hiện mắc bệnh. Điều này cho thấy các bạn sinh viên nữ đã có kiến thức về các bệnh lây truyền qua đường tình dục từ đó giúp cho các bạn sẽ có ý thức ngăn ngừa mắc những bệnh lý này.

Mặc dù các bạn sinh viên nữ đều trên 18 tuổi, nhưng tỷ lệ sinh viên cảm thấy ngại và rất ngại khi nói chuyện về vấn đề SKSS vẫn còn chiếm tỷ lệ cao lần lượt là 41,6% và 5,0%. Vì vậy việc các bạn có thể chủ động chăm sóc sức khoẻ bản thân trực tiếp khi đến các cơ sở y tế rất khó khăn, trong nghiên cứu của chúng tôi có đến 74,1% sinh viên nữ chưa đi khám SKSS bao giờ.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ sinh viên có kiến thức Đạt chiếm 63,4%, kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Mai Thuý Mai (2017) tỷ lệ sinh viên có kiến thức Đạt là 69,2% [2]. Kết quả của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của

Nguyễn Ngọc Nghĩa (2023) tỷ lệ kiến thức tốt chiếm 52,7% có thể do đối tượng nghiên cứu của tác giả còn ở độ tuổi vị thành niên [3] và cũng cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Thị Như Quý (2022) tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt chiếm 46,8% lý do có thể do đối tượng nghiên cứu của tác giả chỉ tập trung vào sinh viên năm nhất nên các bạn sinh viên chưa quan tâm nhiều đến vấn đề này [4]. Số lượng sinh viên có thái độ và hành vi chưa Đạt về vấn đề chăm sóc SKSS trong nghiên cứu của chúng tôi chiếm số lượng lớn 51,6%, có thể nói từ kiến thức tới hành vi còn rất nhiều khó khăn, việc được đôn đốc nhắc nhở và quan tâm đến sức khoẻ cho sinh viên nữ tại trường rất quan trọng để hỗ trợ các bạn sinh viên chủ động hơn trong việc thăm khám sức khoẻ thường xuyên.

Đa số sinh viên cảm thấy truyền thông về SKSS trong trường học rất quan trọng chiếm 81,3%, từ kết quả trên cho thấy phần lớn các bạn sinh viên mong muốn được tìm hiểu thêm các thông tin về SKSS ở ngay tại trường học của mình, chính vì vậy nhà trường cần quan tâm hơn nữa và hỗ trợ truyền thông, cũng như tư vấn về vấn đề chăm sóc SKSS cho các nữ sinh viên đang theo học tại trường.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy 100% sinh viên nữ Trường đại học Yersin Đà Lạt đã tham gia nghiên cứu có độ tuổi trên 18 tuổi. Đa số đối tượng là dân tộc Kinh chiếm 85,0% và 44,4% nữ sinh viên tham gia nghiên cứu là sinh viên năm nhất.

Về kiến thức chung sức khoẻ sinh sản có 64,6% sinh viên nữ Đạt, vẫn còn không ít sinh viên nữ chưa có kiến thức Đạt chiếm 35,4%.

Về thái độ và hành vi chăm sóc sức khỏe sinh sản tỷ lệ sinh viên nữ Đạt chiếm 48,4% và còn 51,6% sinh viên nữ chưa có thái độ hành vi Đạt.

Đa số sinh viên cảm thấy truyền thông về SKSS trong trường học rất quan trọng chiếm 81,3%.

Kiến thức, thái độ và hành vi của sinh viên nữ về sức khỏe sinh sản vẫn còn hạn chế. Vì vậy chúng ta cần quan tâm hơn đến vấn đề truyền thông về sức khỏe sinh sản tới sinh viên trong đào tạo trường học.

6. KIẾN NGHỊ

Thông qua nghiên cứu, nhóm nghiên cứu có một số đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao kiến thức, thái độ và hành vi chăm sóc sức khỏe sinh sản của nữ sinh viên Trường đại học Yersin Đà Lạt như sau:

- Nhà trường cần phối hợp với các phòng ban, chuyên gia y tế để tổ chức các buổi ngoại khoá, hoặc bổ sung nội dung tập huấn trong tuần sinh hoạt công dân, qua đó truyền đạt những thông tin cần thiết và giải đáp những thắc mắc của các bạn sinh viên về vấn đề này.

- Ngoài ra nhà trường cần tăng cường các biện pháp truyền thông liên quan đến chăm sóc SKSS cho sinh viên qua các trang thông tin của trường và sinh viên, định hướng bổ sung nội dung sinh hoạt của một số câu lạc bộ.

- Đối với các ngành thuộc khối ngành sức khỏe giảng viên xem xét điều chỉnh,

phân bổ thời gian cho nội dung về CSKSS cho phù hợp với độ tuổi và nhu cầu tìm hiểu kiến thức của các bạn sinh viên hơn từ đó góp phần định hướng thái độ và hành vi phù hợp cho các bạn sinh viên nữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2020). Quyết định 3781/QĐ-BYT, ngày 28/8/2020 của Bộ Y tế về Ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc SKSS, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2020-2025.
2. Mai Thuý Mai (2017). Kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan về sức khỏe sinh sản của sinh viên Học viện Quân Y, năm 2017. Tạp chí Y học Quân sự, 350, tr.48-52.
3. Nguyễn Ngọc Nghĩa và cộng sự (2023). Khảo sát kiến thức và thực hành về sức khỏe sinh sản vị thành niên ở học sinh trường THPT Lý Thường Kiệt thành phố Yên Bái năm 2023. Tạp chí Y học Việt Nam, 533(2), tr.286-291.
4. Nguyễn Thị Như Quý và cộng sự (2022). Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản của sinh viên năm thứ nhất khối ngành sức khỏe trường Đại học Đại Nam, năm 2022. Tạp chí Y học dự phòng, 32(7), 131-139. <https://doi.org/10.51403/0868-2836/2022/849>
5. Tổng Cục Thống Kê (2021). Điều tra các chỉ tiêu SDG về Trẻ em và Phụ nữ Việt Nam 2020-2021: Các kết quả về lĩnh vực sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục.
6. Vamos, C. A., Thompson, E. L., Logan, R. G., Griner, S. B., Perrin, K. M., Merrell, L. K., & Daley, E. M. (2020). Exploring college students' sexual and reproductive health literacy. *Journal of American College Health*, 68(1), 79-88. <https://doi.org/10.1080/07448481.2018.1515757>

PHỤ LỤC 1: BỘ CÂU HỎI KHẢO SÁT

STT	Câu hỏi	Trả lời	Ghi chú
PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU			
A1	Bạn bao nhiêu tuổi?	
A2	Bạn là người dân tộc nào?	
A3	Gia đình bạn hiện sống ở khu vực nào?	1. Thành phố. 2. Huyện. 3. Thị xã. 4. Khác.	
A4	Bạn thuộc tôn giáo nào?	
A5	Bạn đang học chuyên ngành nào?	
A6	Bạn là sinh viên năm thứ mấy?	1. Năm 1. 2. Năm 2. 3. Năm 3.	
A7	Hiện tại bạn đang sống cùng ai?	1. Sống cùng gia đình (bố, mẹ). 2. Sống cùng người thân, họ hàng (không phải bố mẹ). 3. Ở ký túc xá. 4. Ở trọ cùng với bạn cùng giới. 5. Ở trọ cùng với bạn khác giới. 6. Ở trọ 1 mình.	
PHẦN B. KIẾN THỨC VỀ SỨC KHỎE SINH SẢN.			
B1	Theo bạn, hiểu biết của mình về chăm sóc sức khỏe sinh sản hiện ở mức nào?	1. Hiểu biết đủ. 2. Hiểu biết mức độ trung bình. 3. Hiểu biết kém.	
B2	Bạn có biết trong chu kỳ kinh nguyệt, thời điểm nào dễ có thai nhất?	1. Trong khi có kinh. 2. 7 ngày trước khi có kinh. 3. 7 ngày trước khi có kinh. 4. 7 ngày giữa chu kỳ kinh. 5. Bất kỳ ngày nào trong tháng 6. Không biết.	

STT	Câu hỏi	Trả lời	Ghi chú
B3	Bạn hãy kể những dấu hiệu mà người phụ nữ được cho là có thai? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	1. Mất kinh 2. Mệt mỏi, chán ăn. 3. Buồn nôn, nôn. 4. Cương vú. 5. Bụng lớn dần. 6. Không biết.	
B4	Làm mẹ quá trẻ dễ dẫn đến hậu quả gì? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	1. Thiếu máu 2. Thai kém phát triển, dễ bị chết lưu 3. Trẻ sinh ra thiếu cân, trẻ suy dinh dưỡng, trẻ mắc bệnh và tử vong cao hơn nhiều so với các bà mẹ sinh con ở tuổi trưởng thành. 4. Không biết. 5. Khác:	
B5	Bạn đã quan hệ tình dục chưa?	1. Có. 2. Chưa.	Nếu chưa chuyển câu B9
B6	Bạn quan hệ tình dục lần đầu tiên năm bao nhiêu tuổi? (Nếu “không nhớ” thì ghi “không nhớ”)	
B7	Khi quan hệ tình dục bạn có sử dụng bất kỳ một biện pháp tránh thai nào không?	1. Có. 2. Không. 3. Có khi có hoặc không	
B8	Bạn đã nạo phá thai lần nào chưa?	1. Có. 2. Chưa.	
B9	Theo bạn, nạo phá thai ở nơi nào là an toàn nhất?	1. Cơ sở y tế nhà nước. 2. Cơ sở y tế tư nhân. 3. Thầy lang, mụ vườn. 4. Tự mua thuốc hoặc kiến lá cây thuốc uống. 5. Không biết. 6. Khác:.....	

STT	Câu hỏi	Trả lời	Ghi chú
B10	Bạn đã được cung cấp các thông tin về sức khỏe sinh sản và tình dục từ đâu?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chương trình giáo dục giới tính ở cấp I, II, III, đại học. 2. Phương tiện truyền thông (ti vi, đài báo, quảng cáo). 3. Bố mẹ, anh/ chị /em. 4. Bạn bè. 5. Tự tìm hiểu qua sách báo, Internet. 6. Chưa được tiếp cận thông tin. 	
B11	Bạn đã biết đến các biện pháp phòng tránh thai nào? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bao cao su. 2. Thuốc tránh thai (khăn cấp, hàng ngày, cấy thuốc...). 3. Xuất tinh ngoài. 4. Tính chu kỳ kinh nguyệt 5. Sử dụng bao cao su 6. Đặt vòng tránh thai 7. Triệt sản (nam/ nữ) 8. Không biết. 9. Khác: 	
B12	Theo bạn, bạn gái có thể mang thai sau lần quan hệ tình dục đầu tiên như thế nào?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Không có khả năng mang thai trong lần QHTD đầu tiên. 2. Khả năng mang thai rất thấp. 3. Hoàn toàn có khả năng mang thai ngay trong lần quan hệ tình dục đầu tiên. 4. Không biết. 5. Khác: 	
B13	Theo bạn quan hệ tình dục không sử dụng bao cao su có thể bị nhiễm những bệnh nào sau đây? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lậu. 2. Giang mai. 3. Trùng roi. 4. Nấm sinh dục. 5. Viêm gan B. 6. HIV. 7. Mụn giộp sinh dục HSV. 8. Mụn cơ quan sinh dục HPV. 9. Không biết. 10. Khác: 	

STT	Câu hỏi	Trả lời	Ghi chú
B14	Theo bạn biết, các biểu hiện nào dưới đây biểu hiện mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	1. Chảy dịch, mủ ở bộ phận tiết niệu, sinh dục. 2. Đau/ngứa ở bộ phận sinh dục. 3. Đau/rát khi tiểu tiện. 4. Xuất hiện thương tổn ở bộ phận sinh dục. 5. Không biết. 6. Khác:	
B15	Theo bạn, nạo phá thai có thể dẫn đến những hậu quả sức khỏe nào sau đây? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	1. Nhiễm khuẩn đường sinh dục. 2. Chảy máu/băng huyết. 3. Chấn thương cổ tử cung hoặc thủng tử cung. 4. Sảy thai/đẻ non. 5. Vô sinh. 6. Tai biến do dị ứng thuốc. 7. Tổn thương tinh thần. 8. Tử vong. 9. Không biết. 10. Khác:	
PHẦN C. THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI.			
C1	Bạn có ngại khi nói chuyện hoặc hỏi người thân, bạn bè về lĩnh vực Sức khỏe sinh sản - Tình dục không?	1. Không ngại gì. 2. Ngại. 3. Rất ngại.	
C2	Bạn có thường xuyên quan tâm đến các thông tin về chăm sóc Sức khỏe sinh sản - Tình dục không?	1. Thường xuyên 2. Thỉnh thoảng. 3. Hiếm khi 4. Chưa bao giờ	
C3	Trường của bạn có giáo dục, truyền thông về Sức khỏe sinh sản - Tình dục không?	1. Có. 2. Không.	
C4	Bạn có cho rằng việc giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản trong trường học là quan trọng không?	1. Rất quan trọng. 2. Quan trọng. 3. Không quan trọng.	
C5	Theo bạn có cần lồng ghép nội dung giảng dạy về chăm sóc sức khỏe sinh sản trong chương trình giảng dạy của nhà trường không?	1. Có. 2. Không.	Nếu không chuyển câu C7

STT	Câu hỏi	Trả lời	Ghi chú
C6	Nếu thấy cần thiết, bạn muốn nhận được qua loại hình giáo dục truyền thông nào?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trao đổi riêng. 2. Hướng dẫn trong chương trình học. 3. Hướng dẫn trong hoạt động ngoại khóa. 4. Qua phương tiện thông tin đại chúng. 	
C7	Bố mẹ bạn quan tâm đến vấn đề quan hệ tình dục của bạn như thế nào?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Không có ý kiến. 2. Nói chuyện xa gần nhắn nhủ thông điệp về việc không nên quan hệ tình dục trước hôn nhân. 3. Mua, gửi các cuốn sách, tài liệu về vấn đề này cho bạn. 4. Trò chuyện, tâm sự trực tiếp với bạn về vấn đề này một cách cởi mở. 5. Theo dõi/ để ý / giám sát các mối quan hệ của bạn với bạn khác giới. 6. Khác:..... 	
C8	Bạn cảm thấy thoải mái ở mức độ nào khi nói chuyện với bố mẹ về vấn đề Sức khỏe sinh sản và Tình dục?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Rất thoải mái. 2. Thoải mái. 3. Không thoải mái. 4. Rất không thoải mái. 	
C9	Ai là người bạn thường chia sẻ nhiều nhất khi có vấn đề về tình yêu/ sức khỏe sinh sản/ quan hệ tình dục của bản thân?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bố mẹ. 2. Bạn cùng lớp. 3. Bạn cùng phòng. 4. Anh/ chị/em ruột/ họ. 5. Nhóm bạn thân. 6. Thầy cô. 7. Khác: 	
C10	Trong năm vừa qua, bạn đã đi khám bệnh liên quan tới Sức khỏe sinh sản lần nào chưa?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có. 2. Chưa. 	
C11	Nếu có bạn đi khám ở đâu?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bệnh viện Tỉnh 2. Bệnh viện huyện/ TTYT 3. Trạm y tế xã/ phường 4. Y tế tư nhân 5. Khác (Ghi rõ)..... 	

PHỤ LỤC 2: THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

STT	Câu hỏi	Trả lời	Điểm
I. KIẾN THỨC VỀ SỨC KHỎE SINH SẢN			
1	B2. Bạn có biết trong chu kỳ kinh nguyệt, thời điểm nào dễ có thai nhất?	1. Trong khi có kinh.	0
		2. 7 ngày trước khi có kinh.	0
		3. 7 ngày trước khi có kinh.	0
		4. 7 ngày giữa chu kỳ kinh.	1
		5. Bất kỳ ngày nào trong tháng	0
		6. Không biết.	0
2	B3. Bạn hãy kể những dấu hiệu mà người phụ nữ được cho là có thai? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	1. Mất kinh	1
		2. Mệt mỏi, chán ăn.	1
		3. Buồn nôn, nôn.	1
		4. Cương vú.	1
		5. Bụng lớn dần.	1
		6. Không biết.	0
3	B4. Làm mẹ quá trẻ dễ dẫn đến hậu quả gì? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	1. Thiếu máu	1
		2. Thai kém phát triển, dễ bị chết lưu	1
		3. Trẻ sinh ra thiếu cân, trẻ suy dinh dưỡng, trẻ mắc bệnh và tử vong cao hơn nhiều so với các bà mẹ sinh con ở tuổi trưởng thành.	1
		4. Không biết.	0
		5. Khác	0
4	B9. Theo bạn, nạo phá thai ở nơi nào là an toàn nhất?	1. Cơ sở y tế nhà nước.	1
		2. Cơ sở y tế tư nhân.	0
		3. Thầy lang, mụ vườn.	0
		4. Tự mua thuốc hoặc kiến lá cây thuốc uống.	0
		5. Không biết.	0
		6. Khác	0

STT	Câu hỏi	Trả lời	Điểm
5	B11. Bạn đã biết đến các biện pháp phòng tránh thai nào? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	1. Bao cao su.	1
		2. Thuốc tránh thai (khăn cấp, hằng ngày, cấy thuốc,...).	1
		3. Xuất tinh ngoài.	1
		4. Tính chu kỳ kinh nguyệt	1
		5. Sử dụng bao cao su	1
		6. Đặt vòng tránh thai	1
		7. Triệt sản (nam/ nữ)	1
		8. Không biết.	0
		9. Khác	0
6	B12. Theo bạn, bạn gái có thể mang thai sau lần quan hệ tình dục đầu tiên như thế nào?	1. Không có khả năng mang thai trong lần quan hệ tình dục (QHTD) đầu tiên.	0
		2. Khả năng mang thai rất thấp.	0
		3. Hoàn toàn có khả năng mang thai ngay trong lần quan hệ tình dục đầu tiên.	1
		4. Không biết.	0
		5. Khác	0
7	B13. Theo bạn quan hệ tình dục không sử dụng bao cao su có thể bị nhiễm những bệnh nào sau đây? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	1. Lậu.	1
		2. Giang mai.	1
		3. Trùng roi.	1
		4. Nấm sinh dục.	1
		5. Viêm gan B.	1
		6. HIV.	1
		7. Mụn giộp sinh dục HSV.	1
		8. Mụn cơ quan sinh dục HPV.	1
		9. Không biết.	0
		10. Khác	0

STT	Câu hỏi	Trả lời	Điểm
8	B14. Theo bạn biết, các biểu hiện nào dưới đây biểu hiện mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	1. Chảy dịch, mủ ở bộ phận tiết niệu, sinh dục.	1
		2. Đau/ngứa ở bộ phận sinh dục.	1
		3. Đau/rát khi tiểu tiện.	1
		4. Xuất hiện thương tổn ở bộ phận sinh dục.	1
		5. Không biết.	0
		6. Khác	0
9	B15. Theo bạn, nạo phá thai có thể dẫn đến những hậu quả sức khỏe nào sau đây? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	1. Nhiễm khuẩn đường sinh dục.	1
		2. Chảy máu/băng huyết.	1
		3. Chấn thương cổ tử cung hoặc thủng tử cung.	1
		4. Sẩy thai/đẻ non.	1
		5. Vô sinh.	1
		6. Tai biến do dị ứng thuốc.	1
		7. Tổn thương tinh thần.	1
		8. Tử vong.	1
		9. Không biết.	0
		10. Khác	0
II. THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI			
10	C1. Bạn có ngại khi nói chuyện hoặc hỏi người thân, bạn bè về lĩnh vực Sức khỏe sinh sản - Tình dục không?	1. Không ngại gì.	2
		2. Ngại.	1
		3. Rất ngại.	0
11	C2. Bạn có thường xuyên quan tâm đến các thông tin về chăm sóc Sức khỏe sinh sản - Tình dục không?	1. Thường xuyên	2
		2. thỉnh thoảng.	1
		3. Hiếm khi	0
		4. Chưa bao giờ	0

STT	Câu hỏi	Trả lời	Điểm
12	C4. Bạn có cho rằng việc giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản trong trường học là quan trọng không?	1. Rất quan trọng.	2
		2. Quan trọng.	1
		3. Không quan trọng.	0
13	C8. Bạn cảm thấy thoải mái ở mức độ nào khi nói chuyện với bố mẹ về vấn đề Sức khỏe sinh sản và Tình dục?	1. Rất thoải mái.	2
		2. Thoải mái.	1
		3. Không thoải mái.	0
		4. Rất không thoải mái.	0
14	C10. Trong năm vừa qua, bạn đã đi khám bệnh liên quan tới Sức khỏe sinh sản lần nào chưa?	1. Có.	1
		2. Chưa.	0
Tổng điểm kiến thức là 38 điểm. (Tổng điểm \geq 28 điểm là kiến thức Đạt, Tổng điểm $<$ 28 điểm là kiến thức Chưa đạt).			
Tổng điểm thái độ và hành vi là 9 điểm. (Tổng điểm \geq 6 điểm là thái độ và hành vi Đạt, Tổng điểm $<$ 6 điểm là thái độ và hành vi Chưa đạt).			